

Bản án số: 08 /2024/DS-ST

Ngày: 19 - 7 - 2024.

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông. Nguyễn Hồng Sơn.

2. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57 /2024/QĐXXST - DS ngày 20 /6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2024/QĐST - DS ngày 04/7/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Ông Phan Văn S, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Đội 12, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1989.(Vắng mặt không có lý do).

Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1985.(Vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Đội 6, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2022, bản trình bày ngày 20/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S trình bày như sau:

Từ chỗ quen biết nên ngày 01/12/2021 vợ chồng chúng tôi đồng ý cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để làm ăn. Tại thời điểm vay lãi suất hai bên thoả

thuận là 0,1%/tháng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/12/2022. Trong thời gian vay vợ chồng bà H, ông V không trả tiền gốc và tiền lãi. Khi đến hạn trả nợ chúng tôi đã nhiều lần gặp trực tiếp và gọi điện thoại cho vợ chồng bà H, ông V yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng bà H, ông V vẫn không trả.

Nay chúng tôi yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V trả tiền gốc vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 0,1%/tháng thời gian từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/12/2022 là 6.000.000 đồng.

- *Bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V*: Không đến Tòa trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày gửi cho Tòa án:

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S: Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V trả số tiền gốc vay 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa vợ chồng ông S, bà H yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V trả tiền lãi suất 0,1% tháng tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/12/2022, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Q. Tòa án nhân dân huyện T căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Theo biên bản xác minh ngày 20/3/2023 của Tòa án, Công an xã Nghĩa Đ cho biết bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2022, không báo cho địa phương biết bà H, ông V đang sinh sống và làm việc ở đâu, không biết khi nào

về địa phương. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án các văn bản tố tụng của Tòa án đều thực hiện đầy đủ và thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ được quy định tại các Điều 173, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt phiên toà lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 01/12/2021 vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Ánh H, ông Nguyễn Thanh V lập hợp đồng cho vay tiền, với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thoả thuận là 0,1%/tháng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/12/2022 đến nay vợ chồng bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V chưa trả tiền gốc vay và tiền lãi.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên ngày 05/5/2023 nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ, để giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T – Phòng giao dịch xã N vào năm 2021. Ngày 12/6/2023 Tòa án ra văn bản số: 61/2023/CV-TA ngày 12/6/2023 gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T mượn hồ sơ gốc vay vốn của khách hàng bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V đề ngày 01/12/2021 để giám định. Tại kết luận giám định số: 0137/KL-KTHS ngày 31/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Q. Kết luận:

1. “Chữ viết, chữ ký” Nguyễn Thị H” dưới cột mục “BÊN B” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TIỀN” đề ngày 1/12/2021 (Ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký dưới cột mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” SỐ: 4501LAV202103967, ĐỀ NGÀY 30/11/2021 (Ký hiệu M) là một người ký, viết ra.

2. “Chữ viết, chữ ký” có nội dung “ Tôi đọc rõ và đồng ý, 212551922.....vc chúng tôi đồng lòng trả số tiền nêu trên. Nếu có gì tui chịu trước pháp luật” dưới cột mục “BÊN B” trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TIỀN” đề ngày 1/12/2021 (Ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký dưới cột mục “ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG” trên “HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” SỐ: 4501LAV202103967, ĐỀ NGÀY 30/11/2021 (Ký hiệu M) là do một người ký, viết ra.

Trên cơ sở kết quả giám định, Hội đồng xét xử có căn cứ hợp đồng vay tiền đề ngày 01/12/2021 là chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V. Do đó có căn cứ ngày 01/12/2021 có vay số tiền 500.000.000 đồng của vợ chồng ông bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S, nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền gốc vay: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày bị đơn chưa trả. Bị đơn cũng không có tài liệu chứng minh cung cấp cho Tòa án đã trả cho nguyên đơn được bao nhiêu tiền gốc ,bao nhiêu tiền lãi hoặc đã trả hết tiền gốc, tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét tài liệu có tại hồ sơ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Ánh H

và ông Nguyễn Thanh V trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S số tiền gốc vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

[2.3] Tiền Lãi: Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 01/12/2021 mà các bên xác lập, mức lãi suất hai bên thoả thuận 0,1% tháng. Thời hạn 01 năm (ngày 01/12/2021 đến ngày 01/12/2021). Tại phiên tòa ông S, bà H trình bày từ ngày vay đến nay bà H, ông V chưa trả lãi. Ông S, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình yêu cầu bà H và ông V trả mức lãi suất 0,1% tháng từ ngày 01/12/2021 đến ngày 01/12/202; Số tiền gốc 500.000.000 đồng x 12 tháng x 0,1%) = 6.000.000 đồng, nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định số tiền 4.000.000 đồng, nguyên đơn tạm ứng nộp cho Tòa án để giám định chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V đã chi xong. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu chi phí giám định, nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S.

[6] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn S. Tổng số tiền là 506.000.000 đồng (Năm trăm lẻ sáu triệu đồng). Trong đó số tiền gốc 500.000.000 đồng, số tiền lãi 6.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Nguyễn Thanh V phải chịu số tiền 24.240.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng

(400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 4.240.000 đồng (106.000 đồng x 4%), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 12.120.000 đồng cho ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị H theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004747 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Q.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị H chịu chi phí giám định số tiền 4.000.000 đồng, nguyên đơn tạm ứng trước nộp cho Tòa án đã chi xong.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Trước khi kết hôn chị và anh Duy có tình yêu đương do ông thương hoàn cảnh gia đình của cô Thiện. Ông và cô Thiện đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 19/8/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính khí cô Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, sự chênh lệch về tuổi tác quá lớn. Ông và con thường xuyên khuyên giải nhưng bản tính cô Thiện không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ với nhau.

Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn anh Phan Thị Ngọc Thiện.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006. Ông yêu cầu được quyền nuôi con yêu cầu Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có (không nợ Ngân hàng và cũng không nợ bất kỳ ai).

- Bị đơn bà Phan Thị Ngọc Thiện đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng bà Thiện không có văn bản trình bày ý kiến, đến Tòa để làm việc bà từ chối trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật

Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu. Ông Châu phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho bà Phan Thị Ngọc Thiện được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Thiện đều không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Bà Thiện vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Châu và bà Phan Thị Ngọc Thiện có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của ông Châu trong quá trình vợ chồng ông, bà chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tuổi tác chênh lệch, tính khí bà Thiện bất thường hay la chửi chồng con một cách vô cớ, tình cảm vợ chồng không còn. Ông xin được ly hôn bà Thiện.

Đối với bà Phan Thị Thiện trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, Tòa án triệu tập bà đến làm việc thì bà không có ý kiến trình bày theo yêu cầu của Tòa án mà có văn bản không đúng với nội dung mà Tòa không yêu cầu, không hợp tác, có thái độ cố tình tránh né. Bà Thiện cũng đã nhận nhiều văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến, Hội đồng xét xử cần phê phán thái độ thiếu ý thức của bà Thiện.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng ông Châu và bà Thiện không làm được. Cụ thể vào năm 2012 ông Châu có khởi kiện ly hôn, Tòa đã thụ lý nhưng sau đó ông Châu rút đơn khởi kiện và về chung sống lại với bà Thiện. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng ông bà tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, tuy ông bà ở chung một nhà nhưng không quan tâm lẫn nhau, sống ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, đề giải phóng cho ông Châu và bà Thiện có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006, ông Nguyễn Văn Châu xin được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của Cháu Hiền được ở với ông Châu, nên được chấp nhận. Tại phiên tòa ông Châu thay đổi ý kiến không yêu cầu bà Thiện cấp dưỡng nuôi con, nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông Châu, bà Thiện xét thấy quyền lợi của mình bị ảnh hưởng thì ông bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Châu trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Châu phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Châu được ly hôn bà Phan Thị Ngọc Thiện.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh Hiền, sinh ngày 13/8/2006 cho ông Nguyễn Văn Châu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Châu không yêu cầu anh Phan Thị Ngọc Thiện cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông Châu không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Châu chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Châu đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007199 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

**Các Hội thẩm nhân dân
phiên tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa

Tân Văn Dũng

Chu Thị An

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:
THẨM

-TAND tỉnh Quảng Ngãi;

tòa

- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND TT La Hà, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA